

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-01-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ký Bé Lại

Bà Nguyễn Kim Huệ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Vui là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Vũ Quang Đ, sinh năm 1961 (xin vắng mặt).

Cư trú tại: Khóm B, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962 (xin vắng mặt).

Cư trú tại: Khóm A, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ông Vũ Quang Đ trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2005 đến nay không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong lối sống. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ và tiếp tục chung sống nên ông yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Có 01 người con chung là Huỳnh Trung H, sinh ngày 08/11/2005. Hiện con chung đang sống với ông, nay ông yêu cầu giao con cho ông tiếp tục nuôi, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 03/01/2023 của Tòa án, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà thống nhất lời trình bày của ông Vũ Quang Đ về thời gian bà và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền. Mâu thuẫn vợ chồng đúng như ông Đ trình bày, bà còn tình cảm và muốn hàn gắn với ông Đ nhưng nay ông Đ yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Đúng như ông Đ trình bày, nay bà đồng ý giao con cho ông Đ nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Vũ Quang Đ khởi kiện bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung nên đây là quan hệ tranh chấp về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, bị đơn bà Nguyễn Thị H cư trú tại khóm A, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Vũ Quang Đ và bà Nguyễn Thị H có yêu cầu xin vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, ông Vũ Quang Đ và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà H không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Do đó không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Vũ Quang Đ và bà Nguyễn Thị H là đúng quy định tại điều 9 và 14 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, ông Vũ Quang Đ và bà Nguyễn Thị H có một người con chung và thống nhất thỏa thuận giao con là Huỳnh Trung H cho ông Vũ Quang Đ nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện thỏa

thuận của các đương sự và phù hợp với nguyện vọng của con nên cần ghi nhận là phù hợp.

[5] Ông Vũ Quang Đ và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Ông Vũ Quang Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định, tuy nhiên ông là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định tại Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 9, 14, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Vũ Quang Đ và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con là Huỳnh Trung H (giới tính nam), sinh ngày 08/11/2005 cho ông Vũ Quang Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị H không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Vũ Quang Đ chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, tuy nhiên được miễn toàn bộ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Vẹn